

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-PT

Ngày 12-01-2023

V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất và bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên
Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà C Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án Th1 lý số: 50/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 209/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đàm Thị B, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th - Trợ giúp viên pháp lý, Tộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn C, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Phùng Văn S, sinh năm 1975 (chồng bà B). Có mặt.

- Lương Thị Kh, sinh năm 1932. Có mặt.

- Trương Thị L. Vắng mặt.

- Đàm Thị K, sinh năm 1961. Vắng mặt.

- Vương Thị T, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng.

- Phùng Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Phùng Văn V, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Đàm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2021 và Q trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà B khai: Bố mẹ chồng là Phùng Văn H1 và Lâm Thị Th1 (đều đã chết) có dựng được một ngôi nhà cấp IV gồm 3 gian trên thửa đất 52, tờ bản đồ 44, diện tích 246,4 m². Ngôi nhà này bố mẹ chồng đã ở được trên 40 năm không có tranh chấp. Khi về làm dâu bà cũng sống cùng chồng ở ngôi nhà này. Năm 2018 vợ chồng xây được ngôi nhà mới nên không sống ở ngôi nhà cũ này nữa. Sau khi bố mẹ chết đã để lại thửa đất 52 này cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng. Năm 2020 gia đình phá nhà cũ để làm vườn, phần tường chỉ còn cao hơn 1m thay bờ rào. Năm 2017 vợ chồng bà có xây hàng rào bằng gạch vồ cao khoảng 80cm và dài khoảng 12m để làm ranh giới giữa hai thửa đất, nhưng đến tháng 5 năm 2020 thì anh C tự ý đập đổ bờ rào và cắm cọc xác định lại ranh giới. Chính quyền xóm, xã cũng đã tiến hành H3 giải nhưng không thành. Nay bà B yêu cầu xác định lại ranh giới giữa hai thửa đất 52 và 53 Tộc tờ bản đồ 44 theo ranh giới bìa đồ của hai thửa đất và buộc anh C bồi thường giá trị hàng rào số tiền 10.000.000đ.

Bị đơn ông Phùng Văn C khai: Nguồn gốc thửa đất 53 Tộc tờ bản đồ 44 là của bà Lương Thị Kh và Phùng Văn H2 nhượng lại cho bố anh là Phùng Văn H3

từ những năm 1982 - 1983 (cả bố mẹ đều đã chết). Vì bố là anh của ông H2 nên được ông H2 nhượng cho. Sau đó bố mẹ mới làm thủ tục cấp bìa đỏ đứng tên bố là Phùng Văn H3. Từ ngày được ông H2, bà Kh nhượng cho, gia đình đã quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp. Hiện nay vẫn còn tường nhà đá là ranh giới giữa hai thửa đất, nổi tường đá là hàng rào cây thành một đường thẳng, nhưng sau đó vợ chồng bà B tự ý chặt hàng rào cây này đi. Đến năm 2020 thì vợ chồng bà B tự ý xây hàng rào lán sang thửa 53 khoảng 60 - 70Cm, chiều dài khoảng 12m. Hàng rào được xây bằng gạch vồ chiều cao 80cm (04 viên gạch). Lúc xây tôi không biết, nên khi biết sự việc tôi được tháo dỡ hàng gạch này đi. Móng đoạn này được xây bằng đá nhà của tôi, có chiều rộng khoảng 30cm, sâu 30 - 35cm. Toàn bộ hàng rào này được xây trên đất thửa 53 của gia đình tôi. Trước khi xảy ra tranh chấp thì ranh giới là một đường thẳng nổi tường nhà đá đến hết thửa đất, tường đá này là tường nhà cũ của ông Phùng Văn Phong (đã chết) dựng trên đất của gia đình ông C. Sau này gia đình ông Phong tháo nhà chuyển đi nơi khác nhưng vẫn còn tường cũ làm ranh giới giữa hai thửa đất. Nay nguyên đơn yêu cầu xác định lại ranh giới giữa hai thửa đất 52 và 53 Tộc tờ bản đồ 44 theo bìa đỏ và buộc bồi thường giá trị hàng rào số tiền 10.000.000đ ông C không nhất trí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Kh khai: Nguồn gốc thửa đất 53, tờ bản đồ 44, diện tích 372,0 m² là của vợ chồng bà, chồng là ông Phùng Văn H2, sinh năm 1950 (em bố anh C đã chết). Sau đó vợ chồng tôi nhượng cho anh Phùng Văn H3 từ những năm 1982 - 1983 nhưng không lập giấy tờ. Ranh giới thửa đất là một đường thẳng nổi tường nhà đá cũ của ông Phong, nổi tường này là hàng cây nhưng không biết vợ chồng bà B chặt từ lúc nào. Từ ngày vợ chồng tôi nhượng cho, gia đình ông H3 đã quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đến năm 2020 thì vợ chồng bà B tự ý xây hàng rào lán sang thửa đất mà tôi đã nhượng cho bố anh C tại thửa 53 khoảng 60 - 70Cm, chiều dài khoảng 12m. Toàn bộ hàng rào này được xây trên đất thửa 53 của gia đình anh C. Tôi khẳng định ranh giới thửa đất là một đường thẳng nổi tường nhà cũ hiện nay, việc vợ chồng bà B xây lán sang thửa đất anh C là không đúng nguyên trạng sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T khai: Chị là vợ của anh Phùng Văn Q (hiện đang chấp hành án tại Thái Nguyên), anh Q là em ruột của anh C. Trước giờ giữa chị với nguyên đơn, bị đơn không có mâu Tăn gì. Chị về làm dâu từ năm 2006 và sinh sống tại ngôi nhà giáp thửa đất 53 mà anh C và bà B đang tranh chấp ranh giới. Từ ngày về làm dâu chị đã được canh tác thửa đất 53, ranh giới giữa thửa đất 53 với thửa đất 52 của bà B là một đường thẳng nổi

tường nhà đá. Trước giờ hai bên vẫn canh tác theo ranh giới này, nhưng đến thời điểm năm 2020 thì bà B xây hàng rào lấn sang phần đất của anh C nên xảy ra tranh chấp. Nay chị có ý kiến giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà K khai: Bà là vợ của ông Phùng Văn Nùn (ông Nùn đã chết là anh trai của ông C). Từ ngày về làm dâu năm 1988 bà đã được canh tác thửa đất 53, sau đó thì gia đình chú C quản lý canh tác. Trước đây khi còn canh tác ranh giới thửa đất 53 với 52 là một đường thẳng nối từ tường nhà đá đến hết thửa đất. Tường nhà đá này là tường nhà cũ ngày xưa của ông Phong, tháo dỡ năm nào bà không nhớ. Việc bà B xây hàng rào lấn sang thửa đất 53 của chú C là không đúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L khai: Bà là vợ của ông Phùng Văn C. Từ ngày về làm dâu năm 1991 bà đã được canh tác thửa đất 53, khi đó gia đình bà B không có ý kiến. Nay nguyên đơn yêu cầu xác định lại ranh giới theo bìa đỏ và buộc chồng tôi bồi thường 10.000.000đ bà không nhất trí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Sinh khai: Ông là chồng của bà B, nguồn gốc thửa đất 52 là do bố mẹ để lại cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng. Nay nhất trí với các yêu cầu của vợ là bà B đã khai trước Tòa.

Người làm chứng anh Võ khai: Anh chỉ có quan hệ hàng xóm với nguyên đơn, bị đơn và không có mâu thuẫn gì với nhau. Anh là con trai của ông Phùng Văn Phong và bà Hoàng Thị Ren (cả hai đều đã chết). Trước đây bố mẹ có dựng một ngôi nhà bằng đá trên đất của gia đình ông C. Sau đó đến khoảng năm 1988 thì phá nhà chuyển đi ở vị trí khác, hiện nay tường nhà cũ vẫn còn là tường đá nằm trên phần đất đang tranh chấp giữa hai bên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án nhưng không thành. Ngày 17/01/2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo đơn yêu cầu của bà B với kết quả:

*. Kiểm tra trên thực địa đang quản lý, ranh giới được chia làm 03 đoạn như sau:

- Đoạn 1 là hàng đá xếp cao 1,4m, dài 2,72m.
- Đoạn 2 là tường nhà cũ của nguyên đơn cao 1,5m, rộng 30cm và dài 16,04m.
- Đoạn 3 là móng xây bằng đá cao ngang mặt đất rộng 60cm, dài 11,28m (đoạn này được xây lệch sang đất bị đơn).

*. Kiểm tra bằng máy kết hợp với bản đồ thì ranh giới giữa hai thửa đất 52 và 53 là một đường có chiều dài $10,83\text{m} + 19,69\text{m} = 30,52\text{m}$, theo ranh giới này thì bị đơn đã lấn chiếm sang đất của nguyên đơn tại thửa 52 là $22,47\text{m}^2$.

*. Đoạn kè đá bà B xây hiện không có căn cứ để định giá do chỉ còn móng đá cao ngang mặt đất. (có sơ đồ kèm theo).

Sau khi có kết quả thẩm định, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định lại ranh giới theo bìa đồ và diện tích thẩm định ngày 17/01/2022, buộc anh C trả lại diện tích đất lấn chiếm là $22,47\text{m}^2$. Đồng thời bồi thường tường bị phá với số tiền 10.000.000đ.

Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự kết luận giá trị hàng rào cao 80cm, dài 11,28m có giá trị tại thời điểm tranh chấp là 3.071.000đ (ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng chẵn).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn khai: Trước đây khi bố chồng còn sống có xếp đá làm hàng rào đoạn 2,72m để làm ranh giới giữa hai thửa đất. Thời điểm đó bố chồng cho rằng phần diện tích ngoài tường rào đá nhường lại cho gia đình anh C cho nên từ trước tới giờ phần đất này gia đình bà không canh tác bao giờ, hằng năm đến mùa mưa chỉ làm mương thoát nước nhưng ông C đã lấp không cho làm, việc ông C lấp mương gia đình cũng không làm đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Tuy nhiên sau khi có kết quả thẩm định thì đất anh C đã lấn sang đất nhà bà là $22,47\text{m}^2$ nên yêu cầu xác định lại theo ranh giới này và buộc ông C trả lại $22,47\text{m}^2$ đất lấn chiếm. Ngoài ra ông C tự ý phá hàng rào của gia đình nên yêu cầu bồi thường số tiền theo kết luận định giá là 3.071.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình B: Về nguồn gốc thửa đất 52 là do bố mẹ để lại cho vợ chồng bà B, ông Sinh, gia đình cũng đã sử dụng ổn định không có tranh chấp. Thửa đất đã được cấp bài đồ đứng tên bố mẹ ông Sinh, trước khi bố mẹ chết thì thửa đất này đã được giao cho vợ chồng bà B quản lý, sử dụng. Thực tế sau khi có kết quả thẩm định thì thửa đất 53 của ông C đã lấn sang thửa 52 của nguyên đơn $22,47\text{m}^2$. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, xác định lại ranh giới theo kết quả thẩm định, buộc ông C trả lại $22,47\text{m}^2$ đất lấn chiếm và bồi thường số tiền 3.071.000đ.

Tại bản án sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ các khoản 6, 9 Điều 26, Điều 157, 158, 165, 166, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 26, 100, 166 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Các Điều 175, 584, 589 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định lại ranh giới đất theo bìa đồ, trả lại 22,47m² đất lấn chiếm và bồi thường thiệt hại số tiền 3.071.000đ.

Ranh giới giữa hai thửa đất 52 tờ bản đồ 44 và thửa 53 tờ bản đồ 44 là hàng rào đá xếp dài 2,72m nối với tường nhà cũ (tường rào cao 1,5m) thành một đường thẳng cho đến hết thửa đất có tổng chiều dài 2,72 + 16,04 + 11,28 = 30,04m. Anh C được quyền quản lý, sử dụng 22,47m² nằm trong thửa 52 theo kết quả thẩm định ngày 17/01/2022 (có sơ đồ ranh giới giữa hai thửa đất kèm theo). Đồng thời, các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại ranh giới, diện tích, tên người sử dụng theo quy định của pháp luật

2. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Buộc bà Đàm Thị B phải chịu số tiền 5.000.000đ, xác nhận bà đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn Đàm Thị B, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Với lý do không nhất trí với bản án sơ thẩm và yêu cầu bị đơn Phùng Văn C phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm sang phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà B với diện tích 22,47m² và bồi thường bức tường rào của bà B do ông C đã đập đổ theo kết quả thẩm định ngày 17/01/2022. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết buộc ông Phùng Văn C trả lại đất và bồi thường thiệt hại bức tường hàng rào do ông C đã làm đổ.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn trình B: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét buộc bị đơn phải trả lại đất và bồi thường thiệt hại bức tường hàng rào ông C đã làm đổ của gia đình tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi liên quan: Bà Phùng Thị N khai bà N biết việc bà B khởi kiện ông Phùng Văn C, trường hợp bà B được tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà không có yêu cầu gì, giao phần quyền của bà cho bà B toàn quyền quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đàm Thị B khởi kiện ông Phùng Văn C yêu cầu tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bị đơn Phùng Văn C cũng như diện tích đất tranh chấp đều có địa chỉ tại xóm C, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 6,9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Cao Bằng Thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Đàm Thị B khởi kiện yêu cầu Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường tường xây hàng rào do ông C phá đổ, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là đúng theo quy định tại khoản 6,9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về yêu cầu kháng cáo của bà Đàm Thị B như sau: Bà Đàm Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Phùng Văn

C phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm sang phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà B với diện tích 22,47m² và bồi thường bức tường rào của bà B do ông C đã đập đổ theo kết quả thẩm định ngày 17/01/2022. HĐXX xét thấy:

Về quá trình quản lý, sử dụng: Đối với thửa đất 52 và thửa đất 53 thì cả nguyên đơn và bị đơn đều sử dụng ổn định không có tranh chấp theo ranh giới hiện nay là hàng rào đá nổi thẳng đến hết thửa đất. Đến năm 2020 gia đình bà B xây hàng rào lấn sang thửa đất 53 của ông C thì mới xảy ra tranh chấp. Quản lý, sử dụng theo ranh giới này thì gia đình bị đơn có quá trình quản lý, sử dụng ổn định liên tục từ thời bố mẹ và sau này đến lượt anh em bị đơn, trong quá trình canh tác không có ai tranh chấp ranh giới. Mãi sau này khi bà B xây hàng rào năm 2020 thì các bên mới xảy ra tranh chấp. Điều này cũng được chính bà B xác nhận rằng kè đá dài 2,72m là do bố chồng xếp lên làm ranh giới, thời điểm đó bố chồng cho rằng phần diện tích ngoài tường rào nhượng lại cho gia đình anh C, cho nên từ trước tới giờ gia đình nguyên đơn chưa canh tác phần đất ngoài tường rào bao giờ. Sau khi có kết quả thẩm định ngày 17/01/2022 biết được thửa đất 53 của ông C đã lấn sang 22,47m² nên nguyên đơn mới yêu cầu trả lại. Thời điểm bố mẹ chồng còn sống đã nhất trí nhượng lại phần đất ngoài tường rào cho gia đình anh C theo như lời khai của bà B, thì đó ý nguyện định đoạt của người có tài sản nên bà B, ông Sinh không có quyền can thiệp hoặc đòi lại. Trong khi đến thời điểm này thửa đất 52 của nguyên đơn vẫn còn đứng tên Phùng Văn H1 và Lâm Thị Th1. Như vậy, gia đình bị đơn đã có thời gian canh tác ổn định, liên tục không có tranh chấp phần diện tích 22,47m² nằm trong thửa 52 của nguyên đơn trên 30 năm. Bà B khai phần đất ngoài hàng rào đến mùa mưa làm mương thoát nước nhưng bị ông C ngăn cản nhưng cũng không làm đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết mà để mặc cho gia đình ông C quản lý, sử dụng. Điều này mặc nhiên công nhận phần diện tích ngoài hàng rào là của ông C, cũng đồng nghĩa với việc từ bỏ quyền của mình đối với diện tích 22,47m² này. Ngoài ra ông Võ (con trai ông Phong) khẳng định tường rào đá hiện nay trên đất tranh chấp chính là tường nhà cũ ngày xưa của gia đình anh, điều này còn được khẳng định qua lời khai của bà Kh, bà K. Do đó lời khai của nguyên đơn cho rằng tường rào đá này là tường nhà cũ của mình không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trừ ông S là chồng bà B) đều khẳng định ranh giới giữa hai thửa đất từ trước thời điểm tranh chấp là đường thẳng nối tường rào đá hiện nay cho đến hết thửa đất.

Do đó, cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu xác định lại ranh giới thửa đất theo diện tích bìa đỏ và trả lại 22,47m² đất lấn chiếm của nguyên đơn không có căn

cứ để chấp nhận và yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 3.071.000đ cho nguyên đơn không có căn cứ là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi liên quan là bà: Phùng Thị N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bà N khai biết việc bà B khởi kiện ông Phùng Văn C tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trường hợp bà B được tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà không có yêu cầu gì, giao phần quyền của bà cho bà B toàn quyền quyết định, do đó thiếu sót của cấp sơ thẩm đã được khắc phục, nhưng cũng cần rút kinh nghiệm để tránh vi phạm khi giải quyết các vụ án khác trong thời gian tới.

Từ những phân tích và nhận định như trên, xét thấy kháng cáo của bà Đàm Thị B là không có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đàm Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Đàm Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Bà Đàm Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà B được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004226 ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện TK;
- TAND huyện TK;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Hà Nam